

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HS-ST
Ngày 14 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Trúc

2. Bà Phàng Thị Dở

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Giàng A C** - Sinh năm 1998 (Không xác định được ngày, tháng sinh) tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn D 1, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: H.Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng A P (Đã chết) và bà Lý Thị D; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2019, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Bát Xát. “Có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị Thương - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai “Có mặt”

- Bị hại: Anh Sùng A T - Sinh năm 1966

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 03/9/2019, sau khi làm thuê bốc vác tại xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát xong, Giàng A C một mình đi bộ về nhà tại thôn D1, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi đi đến thôn C, xã N, huyện B, Giàng A C nhìn thấy có 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 24B1 - 975.84 là tài sản của anh Sùng A T - Sinh năm 1966, trú tại thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai đang dựng ở lề đường. Giàng A C quan sát xung quanh thấy không có ai nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên bán lấy tiền tiêu xài. Giàng A C đi bộ về phía đầu xe ngồi xuống dùng tay phải luồn xuống ốp chắn bùn bên phải phía trước, kéo mạnh dây điện nối với ổ khóa điện làm dây điện bung ra. Sau đó Giàng A C dùng hai tay đầu nối các đầu dây điện lại với nhau, khi nối xong Giàng A C đứng dậy quan sát thấy đồng hồ công tơ mét có điện sáng. Giàng A C liền lùi xe lên đường bê tông, rồi nổ máy và điều khiển xe đi ra đường tỉnh lộ 156 lên xã Y Tý, huyện Bát Xát. Sau khi điều khiển xe đến xã Y Tý, Giàng A C đang tìm nơi tiêu thụ thì bị Công an xã Y Tý phát hiện. Tại đây Giàng A C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 05/09/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bát Xát đã ra yêu cầu định giá tài sản số 28 đối với chiếc xe mô tô Honda Blade, màu sơn đen, biển kiểm soát 24B1 - 975.84 là tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án.

Tại bản kết luận định giá số 16/KL.HĐĐG ngày 13/09/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bát Xát kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu sơn đen, biển kiểm soát 24B1 - 975.84 có giá trị 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 17/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát truy tố bị cáo Giàng A C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Giàng A C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Giàng A C về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Giàng A C phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo với mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì nên không đề nghị xem xét.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà người bào chữa cho bị cáo Giàng A C trình bày: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát truy tố bị cáo Giàng A C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Giàng A C là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án 06 tháng tù. Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bát Xát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Giàng A C: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, tang vật thu giữ. Giàng A C là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết xã hội và pháp luật, bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vào ngày 03/9/2019 Giàng A C đã trộm cắp của anh Sùng A T 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 24B1 - 975.84. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 16/KL.HĐĐG ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bát Xát thì chiếc xe bị cáo Giàng A C trộm cắp của anh Sùng A T có giá trị là 15.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Giàng A C phạm tội "Trộm cắp tài sản", Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Giàng A C là người nghiện chất ma túy, do lười lao động lại muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo đã bất chấp coi thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải xét xử một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tài sản bị cáo Giàng A C trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Xét thấy bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Giàng A C đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, xét xử bị cáo Giàng A C mức án 06 tháng tù không được chấp nhận, bởi lẽ bị cáo Giàng A C là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết pháp luật, bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, tài sản bị cáo trộm cắp được có giá trị lớn, bị cáo còn là đối tượng nghiện ma túy, trộm cắp tài sản mục đích để bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng. Vì vậy mức hình phạt đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo là người lao động tự do, không có việc làm ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Giàng A C phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Giàng A C 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2019.

2. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Giàng A C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Cơ quan THAHS CA huyện;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thu Trang